

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 198/2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 11/9/2020.

V/v tranh chấp HNGĐ- Ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Nga.
2. Ông Nguyễn Văn Khanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thảo. Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang: Ông Nguyễn Văn Lộc – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 177/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp hôn nhân gia đình “Ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 422/2020/QĐXX-ST ngày 30 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Bích C – Sinh năm 1982. Nơi cư trú: Ấp TB C, xã VC, huyện TS, tỉnh An Giang. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Văn B – sinh năm 1978. Địa chỉ: Ấp AK, xã ATT, huyện CM, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Trần Thị Bích C trình bày: Bà và ông B quen biết, kết hôn và chung sống với nhau vào năm 2000 có đăng ký kết hôn. Chung sống đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm, ông B không quan tâm lo lắng đến gia đình bà có khuyên ngăn thì ông B đánh bà. Vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2019 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn yêu cầu được ly hôn với ông B.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Lê Thị N – sinh ngày 18/11/2002; Lê Phú T – sinh ngày 01/7/2008 và Lê Phú T1, sinh ngày 14/8/2016.

Hiện 03 con chung do bà nuôi dưỡng, khi ly hôn yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ T1 sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết .

Về quan hệ nợ chung: không có.

Bị đơn ông Lê Văn B được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông B vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về giải quyết vụ án, hôn nhân giữa bà C và ông B là hợp pháp có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng mâu thuẫn và có thời gian dài và không còn chung sống đã lâu, nên vợ chồng không thể hàn gắn, Vợ chồng có 03 con chung tên Lê Thị N – sinh ngày 18/11/2002; Lê Phú T – sinh ngày 01/7/2008 và Lê Phú T1, sinh ngày 14/8/2016. Hiện 03 con chung do bà C nuôi dưỡng, khi ly hôn bà C yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Ông B không gởi ý kiến của mình đối với yêu cầu của bà C. Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, xem xét: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà C xin ly hôn ông B. Về con chung bà C được tiếp tục nuôi 03 con chung, ông B không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T1 liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].*Về thủ tục tố tụng:* Bà Trần Thị Bích C khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn B có nơi cư trú tại xã An Thạnh Trung, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2].*Về nội dung tranh chấp*

[2.1]. Hôn nhân giữa bà C và ông B là do quen biết từ trước có làm đám cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định nên hôn nhân được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Theo bà C trình bày, vợ chồng chung sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông B không quan tâm đến gia đình, bà có khuyên ngăn thì ông B đánh bà. Nhận thấy, tình cảm không còn, bà C yêu cầu ly hôn với ông B. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án về việc bà C yêu cầu ly hôn và triệu tập ông B tham gia các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa, nhưng ông B vắng mặt và không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của bà C. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà C và ông B đã diễn ra trong thời gian dài, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông B không lo lắng trong gia đình, nên vợ chồng hay cãi nhau và không còn chung sống từ năm 2019 đến nay. Trong thời gian này, hai

B cũng không tạo điều kiện cho nhau hàn gắn tình cảm vợ chồng nên mục đích hôn nhân không đạt được, nếu chung sống với nhau cũng không hạnh phúc. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà C là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2.2].*Về quan hệ con chung*: Bà C và ông B có 03 con chung tên Lê Thị N – sinh ngày 18/11/2002; Lê Phú T – sinh ngày 01/7/2008 và Lê Phú T1, sinh ngày 14/8/2016 hiện do bà C nuôi dưỡng, khi ly hôn bà C yêu cầu được tiếp tục nuôi 03 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tòa án tiến hành thu thập ý kiến cháu N, T thì nguyện vọng các cháu mong muốn được sống với bà C. Ông B không có ý kiến đối với yêu cầu nuôi con của bà C. Xét thấy các cháu N, T, T1 được bà C chăm sóc nuôi dưỡng tốt, cuộc sống đã ổn định cháu vẫn phát triển bình thường. Vì vậy nghĩ nên tiếp tục giao 03 con chung cho bà C tiếp tục nuôi dưỡng, ông B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà C cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[2.3].*Về T1 sản*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ghi nhận bà C xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai B phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[3].*Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: bà B phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Bích C xin ly hôn ông Lê Văn B.

Giấy chứng nhận kết hôn số 140, ngày 16/12/2008 do Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Chánh, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang cấp không còn giá trị pháp lý.

Về quan hệ con chung: Bà Trần Thị Bích C được tiếp tục nuôi 03 con chung tên Lê Thị N – sinh ngày 18/11/2002; Lê Phú T – sinh ngày 01/7/2008 và Lê Phú T1, sinh ngày 14/8/2016. Ông Lê Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Trần Thị Bích C cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có

thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về quan hệ T1 sản chung: Không có.

Về quan hệ nợ chung: Ghi nhận bà C xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai B phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Trảng Thị Bích C phải chịu 300.000đ được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu số 0007996 ngày 7/02/2020 của C cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông B vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- C cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Bình